

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn  
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm  
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thông tin Công ty**

**Quyết định số** 3448/QĐ-UB 9 tháng 7 năm 2004  
3449/QĐ-UB 9 tháng 7 năm 2004

Các Quyết định này do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

**Giấy phép Kinh doanh** Số 4103002955 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp 15 tháng 12 năm 2004, điều chỉnh lại ngày 13 tháng 5 năm 2005, 12 tháng 12 năm 2006, 13 tháng 12 năm 2006 và 30 tháng 3 năm 2007.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Quang Tiên	Chủ tịch
Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Phó Chủ tịch
Bà Hoàng Thị Thảo	Thành viên
Ông Lê Điền	Thành viên
Ông Nguyễn Bình Minh	Thành viên
Ông Trần Kim Thành	Thành viên
Ông Võ Hiến	Thành viên

**Ban Giám đốc**

Ông Nguyễn Vĩnh Thọ	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Bình Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Tạ Phước Đạt	Phó Tổng Giám đốc
Ông Võ Hiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Mạnh Cường	Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 18 tháng 7 năm 2007)
Ông Phan Tuấn Dũng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 24 tháng 8 năm 2007)

**Ban Kiểm soát**

Ông Lê Xuân Đức	Trưởng ban
Bà Nguyễn Phương Loan	Thành viên
Ông Nguyễn Phúc Hưng	Thành viên

**Trụ sở đăng ký** 68 Nam Kỳ Khởi Nghĩa  
Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Việt Nam

**Đơn vị kiểm toán** Công ty TNHH KPMG  
Việt Nam

## **BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP**

### **Gửi các Cổ đông**

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

### **Phạm vi kiểm toán**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con (“Tập đoàn”) tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 và báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, được trình bày từ trang 4 đến trang 39. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban lãnh đạo Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này dựa trên công việc kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Chuẩn mực Kiểm toán Quốc tế được chấp thuận tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi lập kế hoạch và thực hiện kiểm toán để có được đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá các chính sách kế toán và các ước tính trọng yếu của Ban lãnh đạo, cũng như đánh giá việc trình bày tổng quan báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin rằng công việc kiểm toán đã đưa ra cơ sở hợp lý làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### **Loại trừ**

Do chúng tôi được bổ nhiệm làm kiểm toán của Tập đoàn sau ngày 31 tháng 12 năm 2005, chúng tôi đã không tham dự kiểm kê hàng tồn kho tại ngày đó hoặc thu thập các bằng chứng kiểm toán về số lượng hàng tồn kho bằng các thủ tục khác.

Chúng tôi không thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán về tình hình tài chính của công ty TNHH Đông Đô Thành, được hợp nhất trong bản cân đối kế toán hợp nhất của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Chúng tôi không thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán về giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết, được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2005.

Do các số dư đầu kỳ trên là một yếu tố xác định lợi nhuận của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, chúng tôi không xác định được liệu có cần điều chỉnh kết quả của năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 hay không. Báo cáo kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 đã nêu ý kiến loại trừ về vấn đề này. Kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006 được trình bày là số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007.

## **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đối với số liệu so sánh năm 2006 của các điều chỉnh có thể có với kết quả kinh doanh năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2006, nếu chúng tôi thực hiện được việc tham dự kiểm kê hàng tồn kho tại ngày 31 tháng 12 năm 2005 và thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán về tình hình tài chính của Công ty TNHH Đông Đô Thành và giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2005, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh hợp lý, trên tất cả các phương diện trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán được chấp thuận rộng rãi tại Việt Nam.

---

**Công ty TNHH KPMG**

Việt Nam

Giấy phép Đầu tư số: 863/GP

Báo cáo kiểm toán viên số: 07-01-191

---

John T. Ditty

Chứng chỉ Kiểm toán viên số N.0555/KTV

*Tổng Giám đốc*

Thành phố Hồ Chí Minh,

---

Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0304/KTV

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2007 VNĐ</b>	<b>2006 VNĐ</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b>	<b>100</b>		<b>423.494.534.471</b>	<b>177.931.176.126</b>
<b>Tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>94.604.245.087</b>	<b>32.706.802.450</b>
<b>Đầu tư ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>83.920.083.900</b>	<b>20.822.550.000</b>
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>168.222.252.312</b>	<b>42.491.830.640</b>
Phải thu thương mại	131		44.231.645.637	33.334.183.811
Trả trước cho người bán	132	6	81.614.032.839	3.339.268.620
Phải thu công ty liên kết	133		-	889.203.418
Phải thu khác	138		45.462.330.372	7.476.651.441
Dự phòng phải thu khó đòi	139	7	(3.085.756.536)	(2.547.476.650)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>8</b>	<b>62.220.950.801</b>	<b>75.415.482.812</b>
Hàng tồn kho	141		64.450.774.063	77.733.481.479
Dự phòng hàng tồn kho	149		(2.229.823.262)	(2.317.998.667)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>14.527.002.371</b>	<b>6.494.510.224</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.670.026.643	661.946.239
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.954.739.758	3.231.723.510
Thuế phải thu ngân sách Nhà nước	154		415.639.409	1.600.000
Tài sản ngắn hạn khác	158		9.486.596.561	2.599.240.475
<b>Tài sản dài hạn</b>	<b>200</b>		<b>650.047.993.485</b>	<b>394.641.552.840</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>617.847.834</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>154.615.703.528</b>	<b>125.023.652.790</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	9	23.846.253.759	29.755.023.868
Nguyên giá	222		47.667.264.677	52.070.466.019
Khấu hao lũy kế	223		(23.821.010.918)	(22.315.442.151)
Tài sản cố định vô hình	227	10	2.526.106.264	2.648.201.658
Nguyên giá	228		4.599.926.000	4.472.464.000
Phân bổ lũy kế	229		(2.073.819.736)	(1.824.262.342)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	11	128.243.343.505	92.620.427.264
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>12</b>	<b>23.892.638.328</b>	<b>4.302.974.829</b>
Nguyên giá	241		32.579.047.545	9.989.924.175
Khấu hao lũy kế	242		(8.686.409.217)	(5.686.949.346)

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2007 VNĐ</b>	<b>2006 VNĐ</b>
<b>Đầu tư dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>13</b>	<b>465.705.986.356</b>	<b>261.262.220.971</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	252		63.531.680.896	55.105.028.121
Đầu tư dài hạn khác	258		403.656.067.142	207.906.910.209
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(1.481.761.682)	(1.749.717.359)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>5.833.665.273</b>	<b>3.434.856.416</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.221.084.081	1.027.901.519
Tài sản thuế hoãn lại	262	26	1.906.001.721	1.443.865.647
Tài sản dài hạn khác	268		2.706.579.471	963.089.250
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.073.542.527.956</b>	<b>572.572.728.966</b>

*Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2007 VNĐ</b>	<b>2006 VNĐ</b>
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>669.451.985.169</b>	<b>374.648.312.832</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>649.338.561.804</b>	<b>349.691.372.351</b>
Vay ngắn hạn	311	14	480.187.553.177	211.476.697.462
Phải trả thương mại	312		35.285.530.286	45.976.709.810
Khách hàng tạm ứng	313		34.700.630.390	9.135.336.866
Thuế phải nộp ngân sách Nhà nước	314	15	7.876.857.540	3.958.538.694
Phải trả cho nhân viên	315		41.347.829.563	38.730.651.996
Chi phí trích trước	316	16	7.876.907.677	4.809.962.578
Phải trả khác	319		42.063.253.171	35.603.474.945
<b>Vay và nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>20.113.423.365</b>	<b>24.956.940.481</b>
Phải trả công ty liên kết	332		-	500.000.000
Phải trả dài hạn khác	333		6.853.744.660	6.380.809.498
Vay dài hạn	334	17	8.987.300.000	15.850.740.940
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	26	3.256.997.658	1.815.725.383
Dự phòng trợ cấp thôi việc	336		1.015.381.047	409.664.660
<b>LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>18</b>	<b>45.650.892.992</b>	<b>20.379.802.256</b>
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>358.439.649.795</b>	<b>177.544.613.878</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>355.019.457.174</b>	<b>176.588.271.569</b>
Vốn cổ phần	411	19	148.734.100.000	128.734.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	412	19	120.000.000.000	-
Cổ phiếu ngân quỹ	413	19	(2.801.612.500)	(2.801.612.500)
Quỹ đầu tư và phát triển	417		12.098.543.923	3.987.290.914
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.371.905.229	1.627.184.098
Lợi nhuận chưa phân phối	419		73.616.520.522	45.041.309.057
<b>Quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>3.420.192.621</b>	<b>956.342.309</b>
Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		3.420.192.621	956.342.309
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.073.542.527.956</b>	<b>572.572.728.966</b>

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo  
*Kế toán trưởng*

Nguyễn Vĩnh Thọ  
*Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2007 VNĐ</b>	<b>2006 VNĐ</b>
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>01</b>	<b>20</b>	<b>1.750.035.576.139</b>	<b>1.171.328.183.155</b>
<b>Các khoản giảm trừ</b>	<b>03</b>		<b>(5.333.825.766)</b>	<b>(12.728.283.502)</b>
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>	<b>20</b>	<b>1.744.701.750.373</b>	<b>1.158.599.899.653</b>
<b>Giá vốn hàng bán</b>	<b>11</b>	<b>21</b>	<b>(1.635.311.308.187)</b>	<b>(1.091.814.285.682)</b>
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>109.390.442.186</b>	<b>66.785.613.971</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	93.198.923.731	61.454.050.543
Chi phí hoạt động tài chính	22	23	(29.302.699.391)	(17.748.019.524)
Chi phí bán hàng	24		(45.101.448.461)	(36.672.909.223)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(58.934.475.819)	(41.980.349.404)
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>69.250.742.246</b>	<b>31.838.386.363</b>
<b>Thu nhập từ đầu tư vào các công ty liên kết</b>		<b>13</b>	<b>581.318.277</b>	<b>973.589.380</b>
<b>Kết quả các hoạt động khác</b>	<b>40</b>			
Thu nhập khác	31	24	17.391.333.915	25.302.982.349
Chi phí khác	32	25	(3.255.243.926)	(9.228.049.868)
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>83.968.150.512</b>	<b>48.886.908.224</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp – hiện hành</b>	<b>51</b>	<b>26</b>	<b>(9.169.128.658)</b>	<b>(2.142.804.625)</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp – hoãn lại</b>	<b>52</b>	<b>26</b>	<b>(979.136.201)</b>	<b>(893.605.251)</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>			<b>73.819.885.653</b>	<b>45.850.498.348</b>

*Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này*



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**  
**(tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2007 VNĐ</b>	<b>2006 VNĐ</b>
<b>Lợi nhuận thuộc các cổ đông của Công ty</b>			<b>65.821.587.337</b>	<b>44.918.337.316</b>
<b>Lợi nhuận thuộc các cổ đông thiểu số</b>			<b>7.998.298.316</b>	<b>932.161.032</b>
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế</b>	<b>60</b>		<b>73.819.885.653</b>	<b>45.850.498.348</b>
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>27</b>	<b>4.755</b>	<b>3.687</b>

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo  
*Kế toán trưởng*

Nguyễn Vĩnh Thọ  
*Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

**Báo cáo biến động vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

	<b>Vốn cổ phần VNĐ</b>	<b>Thặng dư vốn cổ phần VNĐ</b>	<b>Cổ phiếu ngân quỹ VNĐ</b>	<b>Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ</b>	<b>Quỹ dự phòng tài chính VNĐ</b>	<b>Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ</b>	<b>Quỹ khen thưởng phúc lợi VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2006</b>	108.739.300.000	-	(2.215.937.500)	-	-	27.793.284.186	-	134.316.646.686
Phát hành cổ phiếu	19.994.800.000	-	-	-	-	-	-	19.994.800.000
Cổ phiếu mua lại	-	-	(585.675.000)	-	-	-	-	(585.675.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	44.918.337.316	-	44.918.337.316
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	3.987.290.914	1.627.184.098	(8.698.770.455)	3.084.295.443	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(18.971.541.990)	-	(18.971.541.990)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	(2.127.953.134)	(2.127.953.134)
<b>Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2007</b>	128.734.100.000	-	(2.801.612.500)	3.987.290.914	1.627.184.098	45.041.309.057	956.342.309	177.544.613.878
Phát hành cổ phiếu	20.000.000.000	120.000.000.000	-	-	-	-	-	140.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	65.821.587.337	-	65.821.587.337
Phân bổ cho các quỹ	-	-	-	8.111.253.009	1.744.721.131	(13.285.125.872)	3.429.151.732	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(22.949.489.000)	-	(22.949.489.000)
Chuyển sang quỹ giao tế	-	-	-	-	-	-	-	-
Hội đồng quản trị	-	-	-	-	-	(919.527.314)	-	(919.527.314)
Giảm trừ khác	-	-	-	-	-	(92.233.686)	-	(92.233.686)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	-	-	(965.301.420)	(965.301.420)
<b>Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2007</b>	148.734.100.000	120.000.000.000	(2.801.612.500)	12.098.543.923	3.371.905.229	73.616.520.522	3.420.192.621	358.439.649.795

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo  
Kế toán trưởng

Nguyễn Vĩnh Thọ  
Tổng Giám đốc

*Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

	Mã số	Thuyết minh	2007 VNĐ	2006 VNĐ
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>83.968.150.512</b>	<b>48.886.908.224</b>
<b>Điều chỉnh cho</b>				
Khấu hao và phân bổ	02		10.086.763.168	7.024.229.105
Dự phòng	03		3.496.249.910	3.331.931.492
(Lãi)/lỗ thanh lý tài sản			(78.089.221)	567.094.827
Xóa sổ tài sản cố định	05		-	214.071.427
Chi phí lãi vay	06		26.058.258.449	14.355.640.237
Thu nhập lãi tiền gửi và cổ tức			(31.488.473.853)	(12.087.118.937)
Thu nhập từ các công ty liên kết			(581.318.277)	(973.589.380)
Lỗ do bán khoản đầu tư công ty liên kết			-	4.762.678.453
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>91.461.540.688</b>	<b>66.081.845.448</b>
(Tăng)/giảm các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(135.620.018.654)	45.317.353.678
Giảm hàng tồn kho	10		12.347.411.987	26.400.889.631
Tăng các khoản phải trả và nợ khác	11		29.354.836.373	18.948.440.744
Tăng đầu tư cổ phiếu kinh doanh			(64.008.383.900)	(14.322.550.000)
			<b>(66.464.613.506)</b>	<b>142.425.979.501</b>
Lãi vay đã trả	13		(22.136.997.447)	(15.755.181.659)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(5.097.452.270)	(2.342.016.993)
Chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(2.142.129.480)	(2.325.125.356)
<b>Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(95.841.192.703)</b>	<b>122.003.655.493</b>

*Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này*

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>2007 VNĐ</b>	<b>2006 VNĐ</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
Chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(62.266.862.457)	(43.213.845.812)
Thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		3.076.474.273	2.277.703.648
Thu từ thanh lý đầu tư vào công ty liên kết			-	1.200.000.000
Đầu tư vào các công ty khác	25		(184.287.198.168)	(115.641.104.068)
Thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		6.752.284.437	13.598.626.781
Mua tài sản ròng của công ty con			-	(26.303.536)
<b>Tiền thuần chi cho hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(236.725.301.915)</b>	<b>(141.804.922.987)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
Thu từ vốn phát hành bởi công ty con cho cổ đông thiểu số			18.954.000.000	200.000.000
Thu từ phát hành cổ phiếu	31		140.000.000.000	19.994.800.000
Mua lại cổ phiếu	32		-	(585.675.000)
Thu từ khoản vay ngắn hạn	33		900.332.351.625	668.933.401.650
Thanh toán nợ	34		(638.484.936.850)	(655.914.107.136)
Trả cổ tức cho cổ đông của Công ty			(24.821.337.000)	(18,971,541,990)
Trả cổ tức cho cổ đông thiểu số của công ty con	36		(1.516.140.520)	(3,117,111,717)
<b>Tiền thuần thu từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>394.463.937.255</b>	<b>10.539.765.807</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>61.897.442.637</b>	<b>(9.261.501.687)</b>
<b>Tiền đầu năm</b>	<b>60</b>		<b>32.706.802.450</b>	<b>41.968.304.137</b>
<b>Tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>94.604.245.087</b>	<b>32.706.802.450</b>

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo  
*Kế toán trưởng*

Nguyễn Vinh Thọ  
*Tổng Giám đốc*

*Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 39 là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này*

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con** **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

### **1. Thông tin về Công ty**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn (“Công ty”) là một công ty cổ phần thành lập theo Quyết định số 3448/QĐ-UB do Ủy Ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 7 năm 2004 và được điều chỉnh theo Quyết định số 3449/QĐ-UB cấp cùng ngày. Công ty bắt đầu hoạt động chính thức như một công ty cổ phần có tư cách pháp nhân vào ngày 4 tháng 1 năm 2005 khi doanh nghiệp Nhà nước bàn giao con dấu cho Công ty. Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh: mua bán các mặt hàng công nghiệp, nông nghiệp và lâm thủy sản, hàng may mặc, hàng tiêu dùng, mỹ phẩm, văn hoá phẩm, thực phẩm và nước giải khát các loại, bất động sản và các mặt hàng khác;
- Dịch vụ: các dịch vụ làm gia tăng giá trị hàng hoá và các dịch vụ tổng hợp bao gồm vận chuyển hành khách, kho vận, sửa chữa và bảo hành sản phẩm điện tử, xe gắn máy, xe ô tô các loại, cho thuê bất động sản và các dịch vụ khác;
- Đầu tư: đầu tư vào các công ty con, chi nhánh, mua cổ phần của các công ty khác. Xem Thuyết minh 13 về chi tiết các khoản đầu tư của Công ty vào công ty liên kết và Thuyết minh 28 về chi tiết các công ty con.
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn được niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 Công ty có 166 nhân viên (2006: 277 nhân viên).

### **2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn trong các công ty liên kết. Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Các báo cáo tài chính hợp nhất này trình bày bằng Đồng Việt Nam (“VND”), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam, và được lập trên cơ sở giá gốc.

Các chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng một cách nhất quán.

#### **(b) Năm tài chính**

Năm tài chính của Tập đoàn từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

#### **(c) Báo cáo bộ phận**

##### **(i) Các công ty con**

Các công ty con là các đơn vị do Tập đoàn kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có khả năng trực tiếp hoặc gián tiếp, chi phối các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của một công ty con để thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động của công ty con đó. Khi đánh giá kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng đang có hiệu lực. Các báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc quyền kiểm soát.

##### **(ii) Các công ty liên doanh và công ty liên kết**

Công ty liên doanh là các công ty mà Tập đoàn có quyền đồng kiểm soát với bên liên doanh khác. Các công ty liên kết là các công ty chịu ảnh hưởng đáng kể của Tập đoàn nhưng không chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Các báo cáo tài chính hợp nhất ghi nhận lợi ích của Tập đoàn trên lỗ hoặc lãi của công ty liên doanh và liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu, kể từ ngày quyền đồng kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể bắt đầu đến khi kết thúc.

##### **(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất**

Số dư của giao dịch nội bộ và bất kỳ lãi hoặc lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch trong tập đoàn được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết và công ty liên doanh được loại trừ ở mức lợi ích của Tập đoàn trong công ty đó. Lỗ chưa thực hiện được loại trừ cũng như lợi nhuận chưa thực hiện, nhưng chỉ khi không có bằng chứng về việc giảm giá tài sản.

##### **(iv) Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại phản ánh giá phí đầu tư vượt quá giá trị của tài sản thuần thuộc phần của Tập đoàn trên tổng tài sản thuần của các công ty con, công ty liên kết hoặc công ty liên doanh tại thời điểm mua. Lợi thế thương mại được xóa sổ ngay khi phát sinh.

Nếu giá trị thực tế tài sản thuần Tập đoàn mua của các công ty con, công ty liên kết hoặc công ty liên doanh vượt quá giá mua, thì phần vượt trội này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

#### **(d) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái quy định của ngày giao dịch. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá chưa và đã thực hiện được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

#### **(e) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**(f) Kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn**

**(i) Phân loại**

Tập đoàn phân loại đầu tư vào chứng khoán đã niêm yết và chưa niêm yết là đầu tư ngắn hạn hoặc dài hạn tùy theo dự định và chiến lược đầu tư của Tập đoàn với những công ty là đối tượng đầu tư.

**(ii) Ghi nhận**

Tập đoàn ghi nhận kinh doanh chứng khoán, đầu tư ngắn hạn và dài hạn tại ngày ký kết các điều khoản của hợp đồng đầu tư (hạch toán theo ngày giao dịch).

**(iii) Xác định giá trị**

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Nguyên giá của chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền.

**(iv) Giảm giá**

Dự phòng giảm giá chứng khoán đã niêm yết được lập dựa trên quy định hiện hành do Bộ Tài chính ban hành. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Dự phòng hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

**(v) Chấm dứt ghi nhận**

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được chấm dứt ghi nhận khi quyền lợi và các luồng tiền từ khoản nhận đầu tư đã hết hoặc Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu.

**(g) Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác thể hiện theo nguyên giá trừ dự phòng phải thu khó đòi.

**(h) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá trị bằng với số thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm tất cả các chi phí liên quan phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của sản phẩm tồn kho, trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

#### **(i) Tài sản cố định hữu hình**

##### **(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	6 – 42 năm
▪ máy móc và thiết bị	4 – 8 năm
▪ thiết bị văn phòng	2 – 7 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 6 năm

#### **(j) Bất động sản đầu tư**

##### **(i) Nguyên giá**

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và bất kỳ chi phí phân bổ trực tiếp liên quan đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động hiện tại cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

##### **(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư từ 6 đến 22 năm.

#### **(k) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không trích khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

#### **(l) Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.



## **Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

### **Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

#### **(m) Dự phòng**

Dự phòng được ghi nhận khi, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có một nghĩa vụ pháp lý hoặc liên đới có thể được ước tính một cách tin cậy và tương đối chắc chắn rằng Tập đoàn phải sử dụng các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ đó. Dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu các luồng tiền dự tính trong tương lai theo lãi suất trước thuế phản ánh được sự đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của đồng tiền và những rủi ro gắn liền với khoản nợ phải trả đó.

#### **(n) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp số dư trên bảng cân đối kế toán, dựa trên các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực được.

#### **(o) Quỹ thuộc vốn chủ sở hữu**

Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập mỗi năm từ lợi nhuận chưa phân phối theo tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong đại hội cổ đông thường niên.

#### **(p) Doanh thu**

##### **(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

##### **(ii) Cung cấp dịch vụ**

Doanh thu từ các dịch vụ cung cấp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**(iii) Doanh thu cho thuê**

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

**(iv) Thu thập cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là khoản thu nhập khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

**(v) Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán**

Doanh thu từ kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn những rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển sang cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến quyền sở hữu được chuyển khi hoàn thành giao dịch (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc khi hoàn thành thỏa thuận chuyển giao của tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

**(q) Thanh toán cho thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

**(r) Chi phí vay**

Chi phí vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hoá vào nguyên giá các tài sản cố định này.

**(s) Báo cáo bộ phận**

Bộ phận là một phần riêng biệt của Tập đoàn, cung cấp các sản phẩm hàng hóa hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận kinh doanh), hoặc cung cấp các sản phẩm hàng hóa hay dịch vụ trong một môi trường kinh tế đặc trưng (khu vực địa lý), trong đó các rủi ro và kết quả thu được khác với các bộ phận khác. Bộ phận chính yếu của Tập đoàn là bộ phận kinh doanh. Tập đoàn hoạt động tại Việt Nam, là một khu vực địa lý duy nhất.

**(t) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán**

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính đó.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**3. Báo cáo bộ phận**

	Phân phối ô tô, xe máy		Kinh doanh Bất động sản		Đầu tư tài chính		Khác		Tổng	
	2007 VND	2006 VND	2007 VND	2006 VND	2007 VND	2006 VND	2007 VND	2006 VND	2007 VND	2006 VND
Doanh thu khách hàng bên ngoài	1.698.424.278.238	1.111.570.869.632	20.223.814.352	11.684.823.140	93.235.491.967	60.332.888.381	43.408.423.462	62.741.940.773	1.855.292.008.019	1.246.330.521.926
Chi phí trực tiếp của bộ phận	1.674.367.741.791	1.105.321.777.477	16.519.800.747	10.457.360.101	39.870.398.732	25.629.980.339	41.147.234.514	56.034.495.785	1.771.905.175.784	1.197.443.613.702
Lợi nhuận bộ phận kinh doanh trong năm	24.056.536.447	6.249.092.155	3.704.013.605	1.227.463.039	53.365.093.235	34.702.908.042	2.261.188.948	6.707.444.988	83.386.832.235	48.886.908.224

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

	Phân phối ô tô, xe máy		Kinh doanh Bất động sản		Đầu tư tài chính		Khác		Tổng	
	2007 VND	2006 VND	2007 VND	2006 VND	2007 VND	2006 VND	2007 VND	2006 VND	2007 VND	2006 VND
<b>Tài sản</b>										
Tài sản lưu động	146.316.249.251	142.893.157.748	125.857.331.047	726.238.413	79.214.572.900	18.753.031.045	4.337.751.648	12.270.912.188	355.725.904.846	174.643.339.394
Tài sản cố định	11.246.430.516	15.129.303.473	270.260.206.436	163.974.638.337	415.157.313.791	199.671.472.749	11.274.044.511	11.945.759.225	707.937.995.254	390.721.173.784
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	-	-	-	9.878.627.856	7.208.215.788
	157.562.679.767	158.022.461.221	396.117.537.483	164.700.876.750	494.371.886.691	218.424.503.794	15.611.796.159	24.216.671.413	1.073.542.527.956	572.572.728.966
<b>Nợ phải trả</b>										
Nợ ngắn hạn	76.479.896.367	101.388.695.418	173.161.431.433	61.298.727.921	389.911.677.564	180.884.984.750	9.785.556.440	6.118.964.262	649.338.561.804	349.691.372.351
Nợ dài hạn	1.734.807.671	2.236.600.445	7.566.625.064	2.537.643.079	8.116.459.716	13.138.893.493	2.695.530.914	7.043.803.464	20.113.423.365	24.956.940.481
	78.214.704.038	103.625.295.863	180.728.056.497	63.836.371.000	398.028.137.280	194.023.878.243	12.481.087.354	13.162.767.726	669.451.985.169	374.648.312.832
Khấu hao và phân bổ	3.885.950.296	5.158.401.574	3.000.823.815	269.453.541	821.911.172	768.522.951	2.378.077.885	827.851.039	10.086.763.168	7.024.229.105
Dự phòng	1.385.399.910	3.012.660.663	-	-	2.110.850.000	1.749.717.359	-	-	3.496.249.910	4.762.378.022
Mua sắm tài sản	1.780.611.615	2.838.236.395	58.274.253.084	27.623.995.725	-	16.878.410	2.211.997.758	226.603.898	62.266.862.457	30.705.714.428

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**4. Tiền**

	<b>2007</b> <b>VNĐ</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ</b>
Tiền mặt tại quỹ	3.145.997.075	1.221.933.849
Tiền gửi ngân hàng	89.519.248.012	31.484.868.601
Tiền đang chuyển	1.939.000.000	-
	<hr/>	<hr/>
	94.604.245.087	32.706.802.450
	<hr/>	<hr/>

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 có số ngoại tệ tương đương 1.687 triệu VNĐ (2006: 178 triệu VNĐ).

**5. Đầu tư ngắn hạn**

Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản đầu tư vào chứng khoán. Trong năm, Tập đoàn đã lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn vào cổ phiếu niêm yết là 2.110.850.000 VNĐ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 đầu tư ngắn hạn với giá trị ghi sổ là 15.644 triệu VNĐ (2006: 8.226 triệu VNĐ) được thế chấp cho ngân hàng để đảm bảo các khoản vay của Tập đoàn.

**6. Trả trước cho người bán**

Trả trước cho người bán tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 bao gồm giá trị trả trước để mua nhà cửa và cho công trình xây dựng là 78.139 triệu VNĐ (2006: không).

**7. Dự phòng phải thu khó đòi**

Biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<b>2007</b> <b>VNĐ</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	2.547.476.650	2.310.222.606
Tăng dự phòng trong năm	538.279.886	237.254.044
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	3.085.756.536	2.547.476.650
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**8. Hàng tồn kho**

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Nguyên vật liệu	731.788.279	2.947.199.891
Công cụ và dụng cụ	-	16.267.314
Dịch vụ dở dang	1.107.645.210	474.641.334
Thành phẩm	-	1.261.760.431
Hàng tồn kho	62.476.850.613	72.899.122.548
Hàng gửi bán	134.489.961	134.489.961
	<hr/>	<hr/>
	64.450.774.063	77.733.481.479
Dự phòng hàng tồn kho	(2.229.823.262)	(2.317.998.667)
	<hr/>	<hr/>
	62.220.950.801	75.415.482.812
	<hr/>	<hr/>

Biến động dự phòng hàng tồn kho trong năm như sau:

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	2.317.998.667	1.848.694.166
Tăng dự phòng trong năm	847.120.024	935.295.429
Sử dụng dự phòng trong năm	(935.295.429)	(157.589.210)
Hoàn nhập	-	(308.401.718)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	2.229.823.262	2.317.998.667
	<hr/>	<hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 hàng tồn kho với giá trị ghi sổ là 10.732 triệu VNĐ (2006: 28.637 triệu VNĐ) được thế chấp với ngân hàng làm đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**9. Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa VNĐ</b>	<b>Máy móc và thiết bị VNĐ</b>	<b>Thiết bị văn phòng VNĐ</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VNĐ</b>	<b>Tài sản khác VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư đầu năm	21.123.060.444	16.713.932.516	2.516.437.663	11.399.107.695	317.927.701	52.070.466.019
Tăng trong năm	-	1.278.277.621	822.135.193	1.826.948.032	-	3.927.360.846
Thanh lý	(2.326.814.168)	-	(320.790.525)	(5.542.567.868)	-	(8.190.172.561)
Xóa sổ	-	(126.100.307)	(14.289.320)	-	-	(140.389.627)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>18.796.246.276</b>	<b>17.866.109.830</b>	<b>3.003.493.011</b>	<b>7.683.487.859</b>	<b>317.927.701</b>	<b>47.667.264.677</b>
<b>Khấu hao lũy kế</b>						
Số dư đầu năm	11.187.073.607	3.723.083.600	1.669.990.361	5.538.341.920	196.952.663	22.315.442.151
Khấu hao trong năm	1.912.606.646	2.766.233.409	342.675.860	1.745.459.532	70.770.456	6.837.745.903
Thanh lý	(1.490.369.750)	-	(287.919.564)	(3.413.498.195)	-	(5.191.787.509)
Xóa sổ	-	(126.100.307)	(14.289.320)	-	-	(140.389.627)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.609.310.503</b>	<b>6.363.216.702</b>	<b>1.710.457.337</b>	<b>3.870.303.257</b>	<b>267.723.119</b>	<b>23.821.010.918</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số dư cuối năm	7.186.935.773	11.502.893.128	1.293.035.674	3.813.184.602	50.204.582	23.846.253.759
Số dư đầu năm	9.935.986.837	12.990.848.916	846.447.302	5.860.765.775	120.975.038	29.755.023.868

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản nguyên giá là 4.209 triệu VNĐ được khấu hao hết đến ngày 31 tháng 12 năm 2007 (2006: 3.481 triệu VNĐ), nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**10. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Quyền sử dụng đất VNĐ</b>	<b>Phần mềm vi tính VNĐ</b>	<b>Tổng VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	4.472.464.000	-	4.472.464.000
Tăng trong năm	-	127.462.000	127.462.000
Số dư cuối năm	4.472.464.000	127.462.000	4.599.926.000
<b>Phân bổ lũy kế</b>			
Số dư đầu năm	1.824.262.342	-	1.824.262.342
Phân bổ trong năm	235.392.840	14.164.554	249.557.394
Số dư cuối năm	2.059.655.182	14.164.554	2.073.819.736
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số dư cuối năm	2.412.808.818	113.297.446	2.526.106.264
Số dư đầu năm	2.648.201.658	-	2.648.201.658

Quyền sử dụng đất được nắm giữ bởi một công ty con. Chi phí để có quyền sử dụng đất và toàn bộ chi phí thực tế khác đã chi ra liên quan trực tiếp để có quyền sử dụng đất được phân bổ trong 20 năm.

Nguyên giá của phần mềm máy vi tính được phân bổ trong thời gian từ ba đến bốn năm.

**11. Xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>2007 VNĐ</b>
Số dư đầu năm	92.620.427.264
Tăng trong năm	58.212.039.611
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(22.589.123.370)
Số dư cuối năm	128.243.343.505

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, giá trị ghi sổ của xây dựng cơ bản dở dang là 2.011 triệu VNĐ (2006: 71.181 triệu VNĐ) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**12. Bất động sản đầu tư**

	<b>Nhà cửa VNĐ</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu năm	9.989.924.175
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	22.589.123.370
	<hr/>
Số dư cuối năm	32.579.047.545
	<hr/>
<b>Khấu hao lũy kế</b>	
Số dư đầu năm	5.686.949.346
Khấu hao trong năm	2.999.459.871
	<hr/>
Số dư cuối năm	8.686.409.217
	<hr/>
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư cuối năm	23.892.638.328
Số dư đầu năm	4.302.974.829
	<hr/> <hr/>

Bất động sản đầu tư của Công ty thể hiện tòa nhà cho thuê tạo thu nhập.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tập đoàn không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, bất động sản đầu tư với giá trị ghi sổ là 20.483 triệu VNĐ (2006: 17.194 triệu VNĐ) đã được thế chấp cho các ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

**13. Đầu tư dài hạn**

	<b>2007 VNĐs</b>	<b>2006 VNĐ</b>
Đầu tư vào công ty liên kết	63.531.680.896	55.105.028.121
Trái phiếu doanh nghiệp	1.000.000.000	1.000.000.000
Trái phiếu kho bạc	150.000.000	150.000.000
Đầu tư dài hạn khác	402.506.067.142	206.756.910.209
	<hr/>	<hr/>
	467.187.748.038	263.011.938.330
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(1.481.761.682)	(1.749.717.359)
	<hr/>	<hr/>
	465.705.986.356	261.262.220.971
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

Biến động giá trị đầu tư vào công ty liên kết như sau:

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	55.105.028.121	62.040.232.646
Đầu tư thêm	9.950.298.800	3.565.000.200
Loại bỏ lãi chưa thực hiện	248.684.638	250.674.833
Thu nhập từ công ty liên kết (sau thuế)	581.318.277	973.589.380
Thanh lý đầu tư vào các công ty liên kết	-	(5.962.678.453)
Cổ tức từ công ty liên kết	(2.353.648.940)	(1.511.507.844)
Chuyển sang đầu tư dài hạn khác	-	(4.250.282.641)
	<hr/>	<hr/>
	63.531.680.896	55.105.028.121
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, đầu tư vào công ty liên kết với nguyên giá 31.753 triệu VNĐ và đầu tư dài hạn khác với nguyên giá 189.194 triệu VNĐ (2006: 23.649 triệu VNĐ và 40.109 triệu VNĐ) được thế chấp ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn.

Biến động của dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn trong năm như sau:

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu năm	1.749.717.359	-
Tăng dự phòng trong năm	-	1.749.717.359
Hoàn nhập	(267.955.677)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.481.761.682	1.749.717.359
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

Chi tiết các khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

<b>Tên</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Giấy phép Đầu tư</b>	<b>% Quyền sở hữu</b>	<b>2007 VNĐ</b>	<b>2006 VNĐ</b>
Công ty TNHH Tam Bình Thủ Đức	Kinh doanh, chế biến thực phẩm và sản phẩm nông nghiệp, cho thuê nhà xưởng, cung cấp dịch vụ vận chuyển, đóng gói, dịch vụ du lịch, đầu tư, tư vấn quản lý và kinh doanh dịch vụ khuyến mãi.	Giấy phép Kinh doanh số 4102019420 Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001, điều chỉnh lại ngày 22 tháng 12 năm 2003, và ngày 21 tháng 11 năm 2007.	30%	6.461.561.597	4.555.837.317
Công ty Taxi Comfort Delgro Savico Taxi	Cung cấp dịch vụ vận tải ô tô và các dịch vụ tương tự khác tại Việt Nam.	Giấy phép Kinh doanh số 824/GP-HCM do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 28 tháng 3 năm 2005.	40.19%	21.442.496.320	27.220.333.639
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn	Công trình xây dựng dân dụng, các dự án công nghiệp; cung cấp dịch vụ cho thuê văn phòng và giải trí.	Giấy phép Kinh doanh số 4102003457 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 1 năm 2001.	49%	1.828.354.504	2.250.462.925
Công ty Cổ phần Dana (trước đây là Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Ô tô Ford)	Là đại lý cho Công ty TNHH Ford Việt Nam và cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo trì và cho thuê phương tiện vận chuyển.	Giấy phép Kinh doanh số 044937 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 16 tháng 6 năm 1998 và được điều chỉnh ngày 25 tháng 6 năm 2007.	40%	4.339.005.913	3.674.105.711
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Kinh doanh xe ô tô, phụ tùng ô tô, dịch vụ bảo trì ô tô vận chuyển nặng ô tô, hàng thủ công, thức ăn, cơ sở hạ tầng và dịch vụ giải trí.	Giấy phép Kinh doanh số 4103001903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 3 tháng 11 năm 2003, được điều chỉnh ngày 14 tháng 7 năm 2005, ngày 14 tháng 11 năm 2007.	35,16%	27.799.233.828	16.021.795.632
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Thành -Savico	Kinh doanh các phương tiện vận chuyển, động cơ điện, phụ tùng xe, thiết bị điện gia dụng, vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, cho thuê xe ô tô và sửa chữa và bảo trì xe máy và dịch vụ bưu điện.	Giấy phép Kinh doanh số 4102036521 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 1 năm 2006.	37%	1.661.028.734	1.382.492.897
				63.531.680.896	55.105.028.121

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**14. Vay ngắn hạn**

		<b>2007</b>	<b>2006</b>
		<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Vay ngắn hạn			
Ngân hàng Công thương – Chi nhánh 1	(a)	5.098.251.622	22.276.828.164
Ngân hàng Công thương – Chi nhánh 1	(b)	34.008.000.000	-
Ngân hàng Thương mại Phương Đông	(c)	150.000.000.000	11.000.000.000
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn	(d)	1.800.000.000	1.800.000.000
Công ty chứng khoán Ngân hàng Nông Nghiệp		-	17.500.000.000
Ngân hàng Phương Nam	(e)	48.000.000.000	48.000.000.000
Công ty Liên doanh Tài chính Petro – Chi nhánh Hồ Chí Minh	(f)	42.500.000.000	30.000.000.000
Ngân hàng ANZ – Chi nhánh Hồ Chí Minh	(g)	112.000.000.000	-
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam	(h)	1.470.000.000	-
Công ty Chứng khoán Phương Đông	(i)	32.272.000.000	-
Ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn	(j)	23.900.000.000	-
Thương tín			
Ngân hàng HSBC	(k)	7.073.801.555	35.033.503.409
Ngân hàng Thương mại Phương Đông		-	7.335.000.000
Ngân hàng Thương mại Phương Đông		-	4.000.000.000
Ngân hàng Thương mại Phương Đông	(l)	970.000.000	960.000.000
Công ty Chứng khoán Phương Đông	(m)	19.319.500.000	-
Các khoản vay khác		-	300.000.000
		<hr/>	<hr/>
		478.411.553.177	178.205.331.573
Nợ dài hạn đến hạn trả		1.776.000.000	33.271.365.889
		<hr/>	<hr/>
		480.187.553.177	211.476.697.462

- a. Khoản vay được đảm bảo bởi cổ phiếu trong khoản đầu tư vào công ty liên kết và các khoản đầu tư dài hạn khác với nguyên giá lần lượt là 8.005 triệu VNĐ và 852 triệu VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất 10,44% (2006: 10,44%) một năm.
- b. Khoản vay này không được bảo đảm và chịu lãi suất 8% một năm. Phần lãi được trả bởi Vinaland Investments Limited.
- c. Khoản vay này được đảm bảo bởi cổ phiếu trong khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn khác với nguyên giá lần lượt là 15.644 triệu VNĐ và 77.000 triệu VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất 12% đến 13,2% (2006: 11,4%) một năm.
- d. Khoản vay này từ một công ty liên kết, không được bảo đảm, và không chịu lãi.
- e. Khoản vay này được bảo đảm bằng cổ phiếu trong đầu tư dài hạn khác với nguyên giá là 28.400 triệu VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất năm là 13,8% (2006: 11,06%) một năm.
- f. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu trong đầu tư dài hạn khác với nguyên giá là 21.250 triệu VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất 12,12% (2006: 11,93% đến 12,53%) một năm.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

- g. Khoản vay này được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất tại số nhà 555 Trần Hưng Đạo. Phần rút vốn 12 tỉ VNĐ chịu lãi suất 7,19% một năm và phần rút vốn 100 tỉ VNĐ còn lại chịu lãi suất từ 9,2% đến 9,3% một năm.
- h. Khoản vay được đảm bảo bởi giá trị xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ vốn vay với nguyên giá là 1.402 triệu VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất 11,22% một năm.
- i. Khoản vay được đảm bảo bởi cổ phiếu trong đầu tư dài hạn với nguyên giá là 19.000 triệu VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất 13,8% một năm.
- j. Khoản vay được đảm bảo bởi cổ phiếu trong đầu tư dài hạn với nguyên giá là 41.727 triệu VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất 10,8% một năm.
- k. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho với giá trị còn lại là 10.732 triệu VNĐ (2006: 28.637 triệu VNĐ). Khoản vay này chịu lãi suất từ 11,25% đến 11,75% (2006: 11,35% đến 12,55%) một năm.
- l. Khoản vay này không được đảm bảo và chịu lãi suất 13,8% (2006: 13,8%) một năm.

Khoản vay được đảm bảo bởi cổ phiếu trong khoản đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư dài hạn khác với nguyên giá lần lượt là 8.104 triệu VNĐ và 965 triệu VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất 14% một năm.

**15. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước**

	<b>2007</b> <b>VNĐ</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ</b>
Thuế giá trị gia tăng	1.603.776.927	-
Thuế nhập khẩu	-	2.423.649.599
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.186.797.020	115.120.632
Thuế khác	2.086.283.593	1.419.768.463
	<hr/> 7.876.857.540	<hr/> 3.958.538.694

**16. Chi phí trích trước**

	<b>2007</b> <b>VNĐ</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ</b>
Chi phí lãi vay	5.338.360.424	1.417.099.422
Chi phí thuê	133.623.100	342.749.621
Chi phí kiểm toán	634.430.665	393.020.000
Chi phí lương và các chi phí liên quan	1.346.324.778	1.173.578.544
Các chi phí khác	424.168.710	1.483.514.991
	<hr/> 7.876.907.677	<hr/> 4.809.962.578

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**17. Vay dài hạn**

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Vay dài hạn từ		
Ngân hàng Ngoại thương	-	3.740.690.534
Ngân hàng Ngoại thương (a)	57.500.000	-
Ngân hàng Ngoại thương (b)	613.800.000	-
Ngân hàng Công thương – Chi nhánh 1	-	27.853.678.000
Ngân hàng Công thương – Chi nhánh 1 (c)	10.092.000.000	11.067.080.368
Ngân hàng HSBC	-	1.334.317.034
Ngân hàng Phương Đông	-	5.126.340.893
	<hr/>	<hr/>
	10.763.300.000	49.122.106.829
Hoàn trả trong vòng 12 tháng	(1.776.000.000)	(33.271.365.889)
	<hr/>	<hr/>
Hoàn trả sau 12 tháng	8.987.300.000	15.850.740.940
	<hr/>	<hr/>

- a. Khoản vay được đảm bảo bởi giá trị xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ vốn vay, với nguyên giá là 295 triệu VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất 11,76% (2006: 9,96%) một năm. Lịch trả nợ của khoản vay này sẽ được ấn định tại ngày 31 tháng 5 năm 2008.
- b. Khoản vay được đảm bảo bởi giá trị xây dựng cơ bản dở dang hình thành từ vốn vay, với nguyên giá là 314 triệu VNĐ. Khoản vay chịu lãi suất 11,76% (2006: 9,96%) một năm. Lịch trả nợ của khoản vay này sẽ được ấn định tại ngày 31 tháng 5 năm 2008.
- c. Khoản vay được đảm bảo bởi bất động sản đầu tư hình thành từ vốn vay với giá trị ghi sổ là 20.483 triệu VNĐ (2006: 17.194 triệu VNĐ). Khoản vay chịu lãi suất 14,4% (2006: 12,6%) một năm. Phần nợ gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 sẽ hoàn trả trong 68 tháng đều nhau với 148 triệu VNĐ mỗi tháng và đợt trả sau cùng là 28 triệu VNĐ.

**18. Lợi ích cổ đông thiểu số**

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Số dư đầu năm	20.379.802.256	22.588.228.699
Lãi thuần thuộc các cổ đông thiểu số trong năm	7.998.298.316	932.161.032
Góp vốn trong năm	18.954.000.000	200.000.000
Cổ tức	(1.516.140.520)	(3.117.111.717)
Tài sản thuần được mua bởi Tập đoàn	-	(26.303.536)
Sử dụng quỹ khen thưởng phúc lợi do cổ đông thiểu số chịu	(165.067.060)	(197.172.222)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	45.650.892.992	20.379.802.256
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**19. Vốn cổ phần**

	2007		2006	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Cổ phiếu phổ thông được phép lưu hành	14.873.410	148.734.100.000	12.873.410	128.734.100.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	14.873.410	148.734.100.000	12.873.410	128.734.100.000
Cổ phiếu ngân quỹ	197.240	2.801.612.500	197.240	2.801.612.500
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.676.170	145.932.487.500	12.676.170	125.932.487.500

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông được xếp ngang hàng khi hưởng phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Đối với cổ phiếu mà Công ty mua lại, mọi quyền lợi đều bị treo cho đến khi số cổ phiếu đó được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	2007		2006	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu năm	12.676.170	125.932.487.500	10.702.880	106.523.362.500
Cổ phiếu phát hành trong năm	2.000.000	20.000.000.000	1.999.480	19.994.800.000
Cổ phiếu ngân quỹ mua trong năm	-	-	(26.190)	(585.675.000)
Số dư cuối năm	14.676.170	145.932.487.500	12.676.170	125.932.487.500

Trong tháng 5 năm 2007, Công ty đã phát hành 2.000.000 cổ phiếu với mệnh giá 70.000 VNĐ/ 1 cổ phiếu. Phần chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá 120.000 triệu VNĐ được ghi vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần, thuộc vốn chủ sở hữu.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**20. Tổng doanh thu**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp được ghi trên hóa đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán hàng	1.653.683.153.418	1.126.985.241.846
▪ Dịch vụ	90.641.349.788	41.215.929.409
▪ Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	5.711.072.933	3.127.011.900
	<hr/>	<hr/>
	1.750.035.576.139	1.171.328.183.155
Các khoản giảm trừ	(5.333.825.766)	(12.728.283.502)
	<hr/>	<hr/>
Doanh thu thuần	1.744.701.750.373	1.158.599.899.653
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**21. Giá vốn hàng bán**

	<b>2007</b>	<b>2006</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Hàng hóa đã bán	1.546.326.347.789	1.059.864.122.747
▪ Dịch vụ cung cấp	86.073.639.932	28.808.069.203
▪ Chi phí khấu hao bất động sản đầu tư	2.999.495.871	863.857.065
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(88.175.405)	2.278.236.667
	<hr/>	<hr/>
	1.635.311.308.187	1.091.814.285.682
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>



**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**22. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<b>2007</b> <b>VNĐ</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ</b>
Thu lãi tiền gửi từ ngân hàng	848.468.872	1.081.144.450
Lãi từ các khoản đầu tư	2,098,515,211	1.237.966.934
Lãi từ kinh doanh chứng khoán	59.374.058.703	49.182.985.000
Cổ tức	30,640,004,981	9.375.432.553
Lãi chênh lệch tỷ giá	237.875.964	22.765.846
Doanh thu khác	-	553.755.760
	<hr/>	<hr/>
	93.198.923.731	61.454.050.543
	<hr/>	<hr/>

**23. Chi phí hoạt động tài chính**

	<b>2007</b> <b>VNĐ</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ</b>
Chi phí lãi vay ngân hàng	26.058.258.449	14.355.640.237
Lỗ từ thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	-	2.650.551.132
Chi phí kinh doanh chứng khoán	1.089.939.820	57.954.263
Chi phí đầu tư khác	-	618.383.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	224.751.481	65.490.892
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	1.842.894.323	-
Chi phí khác	86.855.318	-
	<hr/>	<hr/>
	29.302.699.391	17.748.019.524
	<hr/>	<hr/>

**24. Thu nhập khác**

	<b>2007</b> <b>VNĐ</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ</b>
Thu từ thanh lý tài sản	3.076.474.273	2.277.703.648
Thu hoa hồng từ các đơn vị khác	4.398.781.194	2.508.822.233
Nhận bồi thường từ các đơn vị khác	250.927.063	-
Giảm khoản phải trả từ nhà cung cấp	-	5.212.253.546
Thu nhập khác	9.665.151.385	15.304.202.922
	<hr/>	<hr/>
	17.391.333.915	25.302.982.349
	<hr/>	<hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**25. Chi phí khác**

	<b>2007</b> <b>VND</b>	<b>2006</b> <b>VND</b>
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	2.998.385.652	2.844.798.475
Các chi phí khác	256.858.274	6.383.251.393
	3.255.243.926	9.228.049.868
	3.255.243.926	9.228.049.868

**26. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Ghi nhận trong bảng cân đối kế toán**

	<b>2007</b> <b>VND</b>	<b>2006</b> <b>VND</b>
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Dự phòng	46.399.725	-
Giá trị của các khoản lỗ mang sang được ghi nhận	1.859.601.996	1.443.865.647
	1.906.001.721	1.443.865.647
<b>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</b>		
Lãi từ các công ty liên kết	(1.978.494.501)	(1.815.725.383)
Hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(1.278.503.157)	-
	(3.256.997.658)	(1.815.725.383)
	(1.350.995.937)	(371.859.736)

**(b) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

	<b>2007</b> <b>VND</b>	<b>2006</b> <b>VND</b>
<b>Chi phí thuế hiện hành</b>		
Năm hiện hành	9.169.128.658	2.142.804.625
<b>Chi phí thuế hoãn lại</b>		
Ghi nhận các khoản chênh lệch tạm thời phát sinh	979.136.201	893.605.251
	10.148.264.859	3.036.409.876
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”)	10.148.264.859	3.036.409.876

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**(c) Đối chiếu thuế suất thực tế**

	<b>2007</b> <b>VND</b>	<b>2006</b> <b>VND</b>
Lợi nhuận trước thuế	83.968.150.512	48.886.908.224
Thuế theo thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty	23.511.082.138	13.688.334.303
Ảnh hưởng thuế của chi phí không khấu trừ thuế	300.684.646	1.861.898
Ảnh hưởng thuế của thu nhập không chịu thuế	(4.915.509.226)	(2.901.314.368)
Ảnh hưởng của việc miễn giảm thuế	(8.354.899.544)	(7.890.195.234)
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất tại công ty con	(393.093.155)	(81.055.161)
Dự phòng thiếu những năm trước	-	218.778.438
Chi phí thuế TNDN	10.148.264.859	3.036.409.876

**(d) Thuế suất áp dụng**

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế TNDN theo thuế suất phổ biến được áp dụng cho các doanh nghiệp tại Việt Nam, hiện nay bằng 28% trên lợi nhuận tính thuế, ngoại trừ Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng, chịu mức thuế suất 25%. Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn được miễn thuế TNDN trong năm 2005 và năm 2006 và được giảm 50% thuế TNDN cho năm tiếp theo (từ năm 2007 đến 2011).

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**27. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 dựa trên số lợi nhuận thuộc các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành, được thực hiện như sau:

	<b>2007</b> <b>VNĐ</b>	<b>2006</b> <b>VNĐ</b>
<i>Lợi nhuận thuộc các cổ đông của Công ty</i>	65.821.587.337	44.918.337.316

**Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành**

	<b>2007</b> <b>Số cổ phiếu</b>	<b>2006</b> <b>Số cổ phiếu</b>
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	12.182.320	10.873.930
Ảnh hưởng của cổ phiếu ngân quỹ	(197.240)	(171.050)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành tháng 3 năm 2006	-	1.499.610
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 1 năm 2006	-	(11.700)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 3 năm 2006	-	(7.650)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 6 năm 2006	-	(270)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 10 năm 2006	-	(475)
Ảnh hưởng của cổ phiếu mua lại tháng 11 năm 2006	-	(75)
Ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành tháng 5 năm 2007	1.166.667	-
<b>Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành tại ngày 31 tháng 12 năm 2007</b>	<b>13.842.837</b>	<b>12.182.320</b>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2007, Công ty không có các cổ phiếu tiềm năng có tác động suy giảm.

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con****Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)****28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan****Các bên liên quan**

Công ty chịu ảnh hưởng đáng kể của Tổng Công ty Bến Thành, là một cổ đông chính của Công ty. Công ty cũng có quyền kiểm soát đối với các công ty con.

<b>Các công ty con</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Giấy phép đầu tư số</b>	<b>% Quyền sở hữu</b>
Công ty TNHH Đông Đô Thành	Kinh doanh xe ô tô và phụ tùng, Cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo trì và vận chuyển bằng ô tô, phụ tùng hàng hải, thiết bị gia dụng, phân bón, vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất; xây dựng, cho thuê ô tô, cung cấp dịch vụ sửa chữa và bảo trì động cơ.	Giấy phép Đầu tư số 4102014294 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003 và ngày 22 tháng 10 năm 2003.	55%
Công ty TNHH Sài Gòn Ô tô	Cung cấp dịch vụ sửa chữa ô tô, bảo trì và cho thuê phương tiện vận chuyển.	Giấy phép Đầu tư số 4102001544 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 5 tháng 3 năm 2003, được điều chỉnh vào ngày 22 tháng 10 năm 2003 và ngày 26 tháng 4 năm 2005.	52,05%
Công ty Liên doanh Toyota Giải Phóng	Cung cấp dịch vụ hậu mãi và môi giới mua bán ô tô	Giấy phép Đầu tư số 14/GP-HN do Ủy ban Nhân dân Hà Nội cấp ngày 22 tháng 1 năm 1998.	51%
Công ty TNHH Dịch vụ và Bán lẻ tự động Savico Iagripro (SAVICO-R)	Kinh doanh động cơ điện. máy bán hàng tự động, phụ tùng, bán và cho thuê máy bán hàng tự động, tư vấn, vận tải nội địa, bưu chính và viễn thông, quảng cáo cho các doanh nghiệp, và dịch vụ cho thuê văn phòng.	Giấy phép Đầu tư số 4102034948 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 11 năm 2005 và được điều chỉnh ngày 19 tháng 11 năm 2006, và ngày 12 tháng 10 năm 2007.	99%
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sài Gòn Ô tô	Kinh doanh các phương tiện vận chuyển, động cơ điện, phụ tùng xe máy, thiết bị điện dân dụng, vật tư xây dựng, vật liệu trang trí nội thất; cho thuê xe ô tô, sửa chữa và bảo trì xe máy và bưu chính.	Giấy phép Kinh doanh số 5702001169 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Cần Thơ cấp ngày 11 tháng 8 năm 2006.	93,33 %

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

<b>Các công ty con</b>	<b>Hoạt động chính</b>	<b>Giấy phép đầu tư số</b>	<b>% Quyền sở hữu</b>
Công ty Cổ phần Sài Gòn Ngôi Sao	Kinh doanh phương tiện vận chuyển, thiết bị điện, phụ tùng xe hơi, thiết bị điện gia dụng, vật liệu xây dựng, vật liệu trang trí nội thất, xe gắn máy, ô tô, cung cấp dịch vụ sửa chữa điện thoại di động, vận chuyển và dịch vụ giao nhận.	Giấy phép Kinh doanh số 4103007242 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 11 tháng 9 năm 2007.	51%
Công ty Savico Hà Nội	Điều hành trung tâm thương mại, dịch vụ khách sạn; xây dựng dân sự, dự án công nghiệp. Đại lý thương mại và ủy thác; hoạt động xuất nhập khẩu; kinh doanh phương tiện vận tải và bảo trì xe hơi, cho thuê máy, dịch vụ vận chuyển và đậu xe.	Giấy phép Kinh doanh số. 0103018056 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 19 tháng 6 năm 2007 và ngày 12 tháng 9 năm 2007.	70%
Công ty TNHH Toyota Cần Thơ	Cung cấp dịch vụ hậu mãi như bảo trì, sửa chữa, cung cấp phụ tùng; nhập khẩu phụ kiện và phụ tùng; cung cấp thiết bị và tân trang. Cho thuê văn phòng, cao ốc và nhà kho.	Giấy phép Đầu tư số. 571022000005 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Cần Thơ cấp ngày 18 tháng 4 năm 2007.	51%

Công ty có mối quan hệ với các công ty liên kết, các giám đốc và nhân viên điều hành của Công ty.

**Giao dịch với các thành viên lãnh đạo chủ chốt**

Tổng lương và thưởng cho các thành viên lãnh đạo chủ chốt như sau:

	<b>2007 VNĐ</b>	<b>2006 VNĐ</b>
Thành viên Hội đồng Quản trị	1.939.695.719	1.537.201.797
Cán bộ Điều hành	552.155.976	438.270.652
Ban Kiểm soát	129.973.000	96.000.000
	<hr/>	<hr/>
	<b>2.621.824.695</b>	<b>2.071.472.449</b>
	<hr/> <hr/>	<hr/> <hr/>

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**Giao dịch với bên liên quan khác**

Trong kỳ có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>2007 VNĐ</b>	<b>2006 VNĐ</b>
Công ty TNHH Comfort Delgro Savico Taxi	Công ty liên kết	Tiền thuê thu từ công ty liên kết	1.346.714.400	1.781.945.100
Công ty TNHH Dịch vụ Sài Gòn	Công ty liên kết	Tiền thuê thu từ công ty liên kết	444.703.691	-
Công ty TNHH Dịch vụ Tam Bình – Thủ Đức	Công ty liên kết	Góp vốn	1.846.698.800	1.755.000.000
Công ty Cổ phần Toyota Đông Sài Gòn	Công ty liên kết	Góp vốn	8.103.600.000	-

**29. Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được huỷ ngang như sau:

	<b>2007 VNĐ</b>	<b>2006 VNĐ</b>
Trong vòng một năm	6.133.043.581	5.477.735.787
Từ hai đến năm năm	11.714.393.563	13.207.433.119
Sau năm năm	10.112.300.882	9.139.470.140
	<b>27.959.738.026</b>	<b>27.824.639.046</b>

**30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố**

	<b>2007 VNĐ</b>	<b>2006 VNĐ</b>
Chi phí mua hàng hoá	1.617.343.105.256	1.075.979.456.277
Chi phí nhân công và nhân viên văn phòng	44.992.872.510	36.996.169.690
Chi phí khấu hao	10.086.763.168	7.371.253.662
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.054.953.621	30.995.038.225
Chi phí khác	8.493.859.321	14.757.326.984

**Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Sài Gòn và các công ty con**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2007 (tiếp theo)**

**31. Các khoản nợ tiềm tàng**

Sau ngày 31 tháng 12 năm 2007, Công ty Cổ phần Toyota Giải Phóng (một công ty con) nhận 17 khiếu kiện yêu cầu trả tiền với tổng giá trị 4,7 tỉ VNĐ cho việc không giao xe cho những cá nhân đã ký quỹ với một trong những nhân viên bán hàng của công ty con trong khoảng từ giữa tháng 8 năm 2007 đến tháng 1 năm 2008. Các khoản thanh toán bằng tiền mặt cho nhân viên bán hàng của Công ty không thực hiện theo chính sách của Công ty cũng như điều khoản và điều kiện của hợp đồng ký kết với các cá nhân tương ứng, vì vậy Ban Giám đốc cho rằng khiếu kiện của các nguyên đơn không có căn cứ. Tuy nhiên, Công ty cam kết tuân thủ tất cả những yêu cầu được đặt ra bởi cơ quan thẩm quyền sau quá trình điều tra, và cuộc điều tra đang được tiến hành. Kết quả của việc điều tra hiện nay vẫn chưa xác định được.

**32. Sự kiện sau ngày kết toán**

Tại ngày lập các báo cáo tài chính này, giá trị thị trường của các khoản đầu tư ngắn hạn vào các cổ phiếu niêm yết trên thị trường là 23.277 triệu VNĐ, giảm 13.210 triệu VNĐ so với giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 do giá cổ phiếu trên thị trường giảm. Giá trị ghi sổ tại ngày 31 tháng 12 năm 2007 không điều chỉnh theo việc giảm này.

**33. Số liệu so sánh**

Một vài số liệu so sánh được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay như sau:

**Bảng cân đối kế toán:**

	<b>2006</b> <b>(phân loại lại)</b>	<b>2006</b> <b>(theo báo cáo</b> <b>năm trước)</b>
	<b>VNĐ</b>	<b>VNĐ</b>
Các khoản phải trả khác	35.603.474.945	41.639.065.124
Nợ dài hạn khác	6.380.809.498	345.219.319

Người lập:

Người duyệt:

Hoàng Thị Thảo  
*Kế toán trưởng*

Nguyễn Vĩnh Thọ  
*Tổng Giám đốc*